

Bản án số: 11/2025/ KDTM-ST
Ngày: 19/6/2025
V/v: Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát T
2. Bà Mai Thị T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST - KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 102/2025/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Kỹ thuật và Thương Mại S Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 3, phố H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Nguyễn Ngọc Đ – Luật sư Văn phòng luật sư N – Thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm 1992

Địa chỉ: Tầng 5, đường L phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH H Thanh Hóa.

Địa chỉ: Lô 14 BT05 khu đô thị Đ , phường An , thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị D – Giám đốc.

Địa chỉ: TDP H, phường H1, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt đại diện bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2020 giữa Công ty cổ phần Kỹ thuật và Thương mại S Việt Nam (gọi tắt là công ty S) và công ty TNHH H Thanh Hóa (gọi tắt là ông ty H) đã ký Hợp đồng đại lý số 301120/HĐDL/S-HCK. Theo đó: Công ty S đồng ý cho công ty H làm đại lý bán các sản phẩm mang thương hiệu SP do công ty S sản xuất, địa điểm nhận làm đại lý tại: Số 13 , phường An , thành phố Thanh Hóa. Đơn giá áp dụng theo bảng giá tiêu chuẩn của công ty S tại thời điểm lấy hàng. Phương thức thanh toán chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt, công ty S sẽ thanh toán 100% đơn hàng phát sinh vào ngày 25 hàng tháng, đối chiếu công nợ vào ngày mùng 10 hàng tháng. Ngoài ra, Hợp đồng còn quy định về thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận hàng (Điều 3); quyền và trách nhiệm của mỗi bên (Điều 4), thời hạn hợp đồng (Điều 5), phạt vi phạm hợp đồng (Điều 6)...

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S đã cung cấp các sản phẩm cho công ty H theo đúng các đơn hàng đã ký kết. Tổng giá trị các đơn hàng công ty S đã giao cho công ty H là 1.723.334.800 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%). Tuy nhiên, công ty H đã vi phạm nghĩa vụ, thanh toán không đầy đủ cho công ty S.

Tính đến ngày 25/5/2022 công ty H mới thanh toán cho công ty S được tổng số tiền là 1.339.500.000 đồng. Sau đó, công ty H không trả thêm được đồng nào cho công ty S, nên ngày 04/9/2023 giữa công ty S và công ty H đã lập bản xác nhận công nợ với nhau, theo đó công ty H còn nợ công ty S số tiền là 383.834.800 đồng. Công ty S đã nhiều lần liên hệ yêu cầu công ty H thanh toán số tiền còn nợ n công ty H không hợp tác.

Nay Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty S số tiền gốc còn nợ lại là 383.834.800 đồng và số tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán tương ứng với 8% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 30.706.784 đồng, tổng cộng: 414.541.584 đồng. Công ty S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi với lãi suất 10%/năm số tiền là 135.803.367 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là công ty H, cũng như người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Qua xác minh, được biết công ty H không còn hoạt động tại địa chỉ: Số 13 Cao , phường An , thành phố Thanh Hóa; Và đã thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Lữ Trọng C sang bà Lê Thị D. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà D n bà D không hợp tác. Nên Tòa án phải lập biên bản làm việc ngày 14/4/2025 với nội dung: Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tiến hành gặp bà Lê Thị D – sinh năm 1953 có địa chỉ tại TDP H, phường H1, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà D có trình bày rằng bà có cho anh T (bà không biết họ) ở thành phố Sầm , tỉnh Thanh Hóa (bà không biết địa chỉ cụ thể) mượn căn cước công dân. Việc anh T mượn căn cước công dân của bà làm gì bà không biết. Đến nay bà mới được Tòa án thông báo là bà là giám đốc công ty TNHH H Thanh Hóa. Bà khẳng định không đi làm thủ tục, không ký tên để đăng ký với cơ quan chức năng để đăng ký chức danh Giám đốc công ty TNHH H Thanh Hóa, bà cũng không biết công ty H là công ty nào, có địa

chỉ ở đâu, hoạt động trong lĩnh vực gì. Tuy nhiên, bà D chỉ trình bày như vậy, bà không tự viết ý kiến và cũng không đồng ý cho Tòa án tiến hành ghi lời khai.

Vì vậy, Tòa án đã có công văn số 181/CV-TA ngày 09 tháng 5 năm 2025 gửi Phòng đăng ký kinh doanh – Sở tài chính Thanh Hóa để xác minh về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tình trạng hoạt, tên người đại diện theo pháp luật hiện nay của Công ty TNHH H Thanh Hóa. Tại văn bản số 170/CV- ĐKKD ngày 19/5/2025 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính Thanh Hóa đã cung cấp thông tin như sau: “Công ty TNHH H Thanh Hóa được phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính Thanh Hóa) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số: 2802770800 (cấp lần đầu ngày 16/8/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/11/2024); địa chỉ trụ sở chính: Lô 14 BT 05 khu đô thị mới Đ , phường An , thành phố Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị D (sinh ngày 20/10/1953; căn cước công dân số 038153002914 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ thường trú hiện nay: TDP H, phường H1, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Hiện nay, trình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia là “Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký”.

Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.... cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt đại diện bị đơn. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ n vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về nội dung: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, với nội dung thể hiện sự thỏa thuận của hai bên theo hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 8% tổng giá trị hợp đồng bị vi phạm. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H Thanh Hóa phải thanh toán tổng số tiền 414.541.584đồng, trong đó tiền gốc 383.834.800 đồng và số tiền phạt vi phạm do là 30.706.784đồng là có căn cứ. Đề nghị Tòa án HĐXX căn cứ: Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 50; Điều 301 Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả tiền gốc với lãi xuất 10%/năm số tiền là 135.803.367 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng đại lý số 301120/HĐĐL/S-HCK ngày 02/11/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần Kỹ thuật và Thương mại S Việt Nam và công ty TNHH H Thanh Hóa, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và cùng có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp, thuộc tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn (không có lý do). Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

Mặc dù trình trạng pháp lý của công ty TNHH H Thanh Hóa trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia là “Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký” và người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Lê Thị D không thừa nhận là giám đốc công ty. Tuy nhiên, căn cứ văn bản số 170/CV- ĐKKD ngày 19/5/2025 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính Thanh Hóa xác nhận Công ty TNHH H Thanh Hóa được phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính Thanh Hóa) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số: 2802770800 (cấp lần đầu ngày 16/8/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/11/2024); địa chỉ trụ sở chính: Lô 14 BT 05 khu đô thị mới Đ phường An , thành phố Thanh Hóa; Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị D (sinh ngày 20/10/1953; căn cước công dân số 038153002914 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ thường trú hiện nay: TDP H, phường H1, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Vì vậy, có căn cứ để xác định bà Lê Thị D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn là công ty TNHH H Thanh Hóa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty S khởi kiện và giao nộp cho Tòa án Hợp đồng đại lý số 301120/HĐĐL/S-HCK ngày 02/11/2020 và bản xác nhận công nợ ngày 04/9/2023 giữa công ty S và công ty H để làm căn cứ khởi kiện. Theo đó, Công ty S đồng ý cho công ty H làm đại lý bán các sản phẩm mang thương hiệu SP do công ty S sản xuất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S đã cung cấp các sản phẩm cho công ty H theo đúng các đơn hàng đã ký kết. Tổng giá trị các đơn hàng công ty S đã giao cho công ty H là 1.723.334.800 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%). Tuy nhiên, công ty H đã vi phạm nghĩa vụ, thanh toán không đầy đủ cho công ty S. Tính đến ngày 04/9/2023 công ty H mới thanh toán cho công ty S được tổng số tiền là 1.339.500.000 đồng, và còn nợ công ty S số tiền là 383.834.800 đồng là vi phạm Điều 2 của Hợp đồng đại lý hai bên đã ký kết.

Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng đại lý thì phía bị đơn đã thực hiện không đúng hợp đồng đã ký kết thì phải chịu phạt 8% tổng giá trị hợp đồng. Tính đến ngày 04/9/2023 số tiền công ty H chi ki còn nợ công ty S là 383.834.800 đồng.

Vì vậy, công ty S yêu cầu công H phải thanh toán số tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán tương ứng với 8% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 30.706.784 đồng là có căn cứ.

Xét tính pháp lý của hợp đồng thấy rằng, hai bên có đầy đủ năng lực chủ thể và tư cách pháp nhân, khi ký kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Do phía nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 135.803.367 đồng là khoản tiền lãi chậm trả tiền gốc với lãi xuất 10%/năm. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả tiền gốc với lãi xuất 10%/năm số tiền là 135.803.367 đồng.

Từ những phân tích, nhận định như trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty TNHH H Thanh Hóa phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty S tổng số tiền 414.541.584 đồng, trong đó tiền gốc 383.834.800 đồng và tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán tương ứng với 8% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 30.706.784 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 301 Luật thương mại;

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27, điểm d tiểu mục 1.4, khoản 1 phần II, mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 301 Luật thương mại; Điều 6, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27, điểm d tiểu mục 1.4, khoản 1 phần II, mục A Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty Công ty cổ phần Kỹ thuật và Thương mại S Việt Nam buộc công ty TNHH H Thanh Hóa phải thanh toán cho công ty cổ phần Kỹ thuật và Thương mại S Việt Nam tổng số tiền là 414.541.584 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó tiền gốc: 383.834.800 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng), tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán tương ứng với 8% tổng giá trị hợp đồng chưa thanh toán là 30.706.784 đồng (Ba mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, bảy trăm tám mươi tư đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả với lãi xuất 10%/năm số tiền là 135.803.367 đồng do Công ty S rút yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi xuất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại

Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 13.006.000đồng (Mười ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001871 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Công ty TNHH H Thanh Hóa phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 20.582.000 đồng (hai mươi triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Q

Nguyễn Thị Thuởng

Phạm Văn Hào

Lê Thị Mơi